TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 27 – 8 – 2024
Về việc ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mai Rý

Bà Huỳnh Thị Sang

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thảo Hương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Ngày 27 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 31/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2023 về việc "Ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 3014/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2024. Quyết định hoãn phiên tòa hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 3134/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20/8/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 15/6/1962;

Địa chỉ: Số D, khu phố B, phường F, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn*: Ông Diệp Kim Q, sinh ngày 15/01/1936;

Địa chỉ: Số A S, Box H, V, Úc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/7/2023; bản tự khai đề ngày 16/11/2023, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng N trình bày như sau:

Bà và ông Diệp Kim Q quen biết và chung sống như vợ chồng thời gian từ năm 2007. Sau đó kết hôn vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Bến Tre đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 20/03/2018 vào sổ đăng ký kết hôn số: 12/2018. Trước khi đăng ký kết hôn thì

ông Q và bà có chung sống với nhau. Ông Q thường xuyên di chuyển đi về hai nơi là Ú và Việt Nam để ở sống cùng bà. Tuy nhiên, từ sau dịch Covid cho đến nay thì bà không còn liên lạc với ông Q. Bà nhận thấy quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Q không còn được hạnh phúc như trước. Cách trở địa lý xa xôi khiến bà và ông Q không có điều kiện vun đắp tình cảm, không thể quan tâm chăm sóc cho nhau, mục đích hôn nhân từ đó không đạt được nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Về hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Diệp Kim Q.

Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do hiện tại bà bận công việc cá nhân nên không thể sắp xếp tham gia những lần Tòa án mời làm việc. Bà xin được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của vụ án.

Về phía bị đơn ông Diệp Kim Q đã được Tòa án tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp để thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập ông Diệp Kim Q đến Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nhưng ông Diệp Kim Q vắng mặt không lý do. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre tiến hành xét xử vắng mặt ông Diệp Kim Q theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Hồng N và ông Diệp Kim Q là ly hôn, nguyên đơn bà N hiện ở Việt Nam; bị đơn ông Diệp Kim Q có địa chỉ tại nước ngoài (Úc) nên căn cứ vào khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 và Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa gia đình và người chưa thành niên Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng N và ông Diệp Kim Q xác lập hôn nhân trên cơ sở tự nguyện vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Bến Tre, đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 12 ngày 20/3/2018 nên hôn nhân giữa bà N và ông Q là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Từ năm 2020 đến nay giữa bà N và ông Q không còn liên lạc với nhau nữa, quan hệ vợ chồng không còn hạnh phúc, điều kiện vun đắp tình cảm và sự quan tâm chăm sóc cho nhau không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy bà làm đơn này đề nghị Tòa án xem xét yêu cầu ly hôn của bà.

Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp thông báo thụ lý vụ án cho ông Diệp Kim Q, kết quả ủy thác đã tống đat được cho ông Diệp Kim Q nhưng Tòa án không nhận được văn bản trình bày ý kiến của ông Q về những vấn đề bà N yêu cầu Tòa án giải quyết, từ đó cho thấy ông Q không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân với bà N.

Hội đồng xét xử nhận thấy, hôn nhân của bà N và ông Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không còn chung sống với nhau thời gian dài, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà N yêu cầu ly hôn với ông Q là có cơ sở nên được chấp nhận.

[3] Về con chung, tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Hồng N trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng Tòa án không nhận được văn bản ghi nhận lời trình bày của ông Diệp Kim Q nên không có cơ sở xem xét. Nếu có phát sinh tranh chấp về con chung, tài sản chung thì các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

[4] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Hồng N trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng Tòa án không nhận được văn bản ghi nhận lời trình bày của ông Diệp Kim Q và cũng không nhận được đơn yêu cầu độc lập của bên thứ ba nên không có cơ sở xem xét. Nếu có phát sinh tranh chấp về nợ chung thì các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch: Bà Nguyễn Thị Hồng N là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí sơ thẩm nên bà N thuộc trường hợp được miễn nộp án phí sơ thẩm (căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án).

[6] Về lệ phí, chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài:

Sung quỹ nhà nước số tiền 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng là chi phí thực hiện ủy thác tư pháp về dân sự của Việt Nam ra nước ngoài theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0002964 ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre.

Bà Nguyễn Thị Hồng N phải chịu số tiền 1.670.396 đồng (Một triệu sáu trăm bảy mươi nghìn ba trăm chín mươi sáu đồng) chi phí thực tế thực hiện ủy thác tư pháp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) biên lai thu số 0002965 ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre. Hoàn trả lại cho bà N số tiền còn lại là 1.329.604 đồng (Một triệu ba trăm hai mươi chín nghìn sáu trăm lẻ bốn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 và Điều 40, khoản 4 Điều 147, Điều 477, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Hồng N đối với ông Diệp Kim Q.

1.1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng N được ly hôn với ông Diệp Kim Q.

1.2. Về con chung, tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Hồng N trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng Tòa án không nhận được văn bản ghi nhận lời trình bày của ông Diệp Kim Q nên không có cơ sở xem xét. Nếu có phát sinh tranh chấp về con chung, tài sản chung thì các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

1.3. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Hồng N trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng Tòa án không nhận được văn bản ghi nhận lời trình bày của ông Diệp Kim Q và cũng không nhận được đơn yêu cầu độc lập của bên thứ ba nên không có cơ sở xem xét. Nếu có phát sinh tranh chấp về nợ chung thì các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Hồng N là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên bà N thuộc trường hợp được miễn nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch.

3. Về lệ phí, chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài:

Sung quỹ nhà nước số tiền 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng là chi phí thực tế thực hiện ủy thác tư pháp về dân sự của Việt Nam ra nước ngoài theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0002964 ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre.

Bà Nguyễn Thị Hồng N phải chịu số tiền 1.670.396 đồng (Một triệu sáu trăm bảy mươi nghìn ba trăm chín mươi sáu đồng) chi phí thực tế thực hiện ủy thác tư pháp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) theo biên lai thu số 0002965 ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre. Hoàn trả lại cho bà N số tiền còn lại là 1.329.604 đồng (Một triệu ba trăm hai mươi chín nghìn sáu trăm lẻ bốn đồng).

4. Bà Nguyễn Thị Hồng N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án; Ông Diệp Kim Q được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre (1b);
- Các đương sự (2b);
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ (2b);
- Lưu hồ sơ (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Hữu Lương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mai Rý Huỳnh Thị Sang Nguyễn Hữu Lương